

Bản án số: 10/2018/HSST  
Ngày: 07/02/2018

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa  
Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy  
Bà Phạm Thị Chuộng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2018, TAND huyện Kinh Môn mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 05/01/2018 đối với bị cáo:

**NGUYỄN VĂN T - Sinh năm 1991.**

STQ: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố: Nguyễn Văn H - Sinh năm 1959; Mẹ: Lương Thị V - Sinh năm 1960.

Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 3. Vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm 1991; có 02 con: Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/2011/HSST ngày 13/12/2011, bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo đã chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2017 tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:** Anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn X, xã M, huyện Y, Hưng Yên.

**\* Người có quyền lợi liên quan:** Anh Vũ Thế K, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn B, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 3 giờ ngày 04/10/2017, Nguyễn Văn T rủ Đỗ Văn D đi từ huyện L sang huyện K chơi, đi đến xã L, huyện K thì gặp bạn của T là Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Y. Sau đó T, D cùng B, Y đi về nhà B tại thôn P, xã L, huyện K chơi. Khi đến nhà B thì có anh Nguyễn Văn O và chị Hà Kiều A - là chỗ quan hệ với B - đang ở đó, lúc này O và Kiều A chào mọi người rồi O điều khiển xe mô tô Hon da, biển số 89H1 - 050.09 chở Kiều A đi về, Đỗ Văn D mở cổng cho anh O đi rồi đóng cổng lại. B thấy trời còn tối và không yên tâm khi Kiều A đi cùng O nên đã nhờ D đuổi theo bảo O và Kiều A quay lại nhà B, chờ trời sáng thì về; do xe mô tô của D gần hết xăng nên D mượn xe mô tô của Y đuổi theo và gặp anh O, chị Kiều A tại bến đò thuộc thôn L, xã T, huyện K vào lúc gần 5 giờ cùng ngày. D bảo O và Kiều A quay lại nhà B nhưng Kiều A không đồng ý và đi xuống đò để qua sông, còn anh O dựng chân chống xe rồi đi vào quán nước cách vị trí để xe khoảng 6 - 8m ngồi. Lúc này T điều khiển xe mô tô của D chở Y để Y gặp D đổi xe mô tô đã cho D mượn lúc trước cũng đi đến bến đò; cách lối xuống bến đò khoảng 20 mét thì Y xuống xe đi vệ sinh, T dựng xe trên đê rồi đi bộ xuống bến đò để bảo D trả xe cho Y. Khi đến gần xe mô tô của O, phát hiện thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện, anh O lại ngồi cách xa vị trí để xe, không có điều kiện ngăn cản nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh O để bán lấy tiền tiêu xài. T đi thẳng đến vị trí để xe, ngồi lên xe và mở khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe đi trước sự chứng kiến của anh O; do lúc này anh O ngồi ở vị trí cách xa xe nên không kịp phản ứng và thấy D vẫn đứng tại bến đò nên nghĩ D là đồng bọn của T do vậy không dám ngăn cản T chiếm đoạt chiếc xe mô tô. Sau đó T lấy xe và đi về nhà ở huyện L, khoảng 2 ngày sau T đem chiếc xe mô tô chiếm đoạt của anh O sang Kinh Môn, trên đường đi khi qua khu vực cầu An Thái thì T đã vứt chiếc biển số xe của anh O xuống sông rồi bán xe cho anh Vũ Thế K với giá 4.500.000đ; số tiền bán xe T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 13/10/2017, Công an huyện Kinh Môn đã thu hồi chiếc xe mô tô trên do anh K tự nguyện giao nộp.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô Honda, loại Wave không có biển số, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2012 còn giá trị là 8.190.000đ.

Đối với chiếc biển số xe mô tô 89H1 - 050.09 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã truy tìm nhưng không thu hồi được. Quá trình điều tra xác định anh O là chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh O, anh O đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc biển số xe bị mất cũng như bồi thường gì khác.

Anh Vũ Thế K mua chiếc xe mô tô trên với số tiền 4.500.000đ và có lắp thêm vào xe 01 chiếc khóa càng; quá trình điều tra do không có căn cứ chứng minh anh K

biết chiếc xe đã mua là tài sản do T phạm tội nên không có căn cứ xử lý. Anh K tự nguyện không yêu cầu T phải bồi thường số tiền đã bỏ ra mua xe và chiếc khóa càng đã lắp thêm.

*Tại bản Cáo trạng số 05/VKS-HS ngày 31/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật hình sự năm 1999.*

***Tại phiên tòa hôm nay:***

\* Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản chiếc xe mô tô của anh O như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và xác định do bị cáo thấy anh O ngồi ở cách xa vị trí xe, mặt khác lúc đó bị cáo lợi dụng việc anh O đang bị D bắt quay về nhà B nên sẽ không ngăn cản việc bị cáo chiếm đoạt tài sản; bị cáo thực hiện hành vi độc lập, việc bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì D hoàn toàn không biết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

\* Người bị hại và người có quyền lợi liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại quá trình điều tra thì anh Nguyễn Văn O đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về bồi thường; anh Vũ Thế K tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 4.500.000đ anh đã bỏ ra mua xe cũng như chiếc khóa càng anh lắp thêm vào xe sau khi mua.

\* Đại diện VKSND huyện Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Do người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường; vật chứng trong vụ án đã được thu giữ trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc biển số xe mô tô 89H1 - 050.09 nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 137 Bộ luật hình sự.

- Biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 4.500.000đ do bị cáo bán chiếc xe mô tô chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn O có được.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau*

\* ***Về hành vi, quyết định tố tụng:*** Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện

Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**\* Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:** Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Những lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra (BL 98 - 120), phù hợp với lời khai của người bị hại là anh Nguyễn Văn O (BL 32 - 44), người có quyền lợi liên quan là Vũ Thế K (BL 92 - 97) và những người làm chứng là Nguyễn Văn B (BL 45 - 53), Hà Kiều A (BL 54 - 61), Nguyễn Văn Y (BL 67 - 74), Nguyễn Văn D (BL 75 - 85). Tất cả những lời khai này cũng phù hợp khách quan với những tài liệu điều tra khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 5 giờ 10 phút ngày 04/10/2017, tại khu vực bên đò thôn L, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Văn T đã có hành vi lợi dụng lúc chủ tài sản là anh Nguyễn Văn O đang ở vị trí cách xa tài sản; và anh O đang có vướng mắc, nên không thể ngăn cản việc bị cáo chiếm đoạt tài sản. Do vậy bị cáo đã ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của anh O là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave có trị giá 8.910.000đ.

Do không có căn cứ xác định giữa bị cáo và D có việc tiếp nhận ý chí của nhau khi bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của anh O nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm khác. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

**\* Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:** Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội. Vì mục đích vụ lợi, bị cáo đã ngang nhiên cố ý thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị pháp luật trừng trị về tội phạm ma túy, nhưng bị cáo không những lấy đó làm bài học để tu dưỡng trở thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh; cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

**\* Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Tại quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn (do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào thời điểm Bộ luật hình sự

*năm 1999 có hiệu lực pháp luật, khi xét xử thì Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật và việc áp dụng quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 không gây bất lợi cho bị cáo)* nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

**\* *Hình phạt bổ sung:*** Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 137 của Bộ luật hình sự năm 1999.

**\* *Trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:***

Do người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường; vật chứng trong vụ án đã được thu giữ trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác về vấn đề bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**\* *Biện pháp tư pháp:*** Sau khi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn O, bị cáo đã bán chiếc xe này cho anh Vũ Thế K được số tiền 4.500.000đ tiêu xài cá nhân hết. Do anh K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã bỏ ra để mua xe, do vậy xác định số tiền 4.500.000đ là tiền bị cáo có được do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

**- *Tuyên bố:*** Nguyễn Văn T phạm tội: “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”.

**- *Áp dụng:*** khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

**- *Xử phạt:*** Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2017.

**- *Biện pháp tư pháp:*** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự 2015: Truy thu sung quỹ nhà nước của Nguyễn Văn T số tiền 4.500.000đ.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**- *Án phí:*** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

**- Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kinh Môn.
- Công an huyện Kinh Môn.
- Trại tạm giam Kim Chi - CA tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Bị cáo, Người có QLLQ

**Chu Văn Nghĩa**